TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21-04-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn và bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lăng Thị N, sinh năm 1990

Số định danh cá nhân: 020190008212

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố Hải Phòng

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988

Số định danh cá nhân: 030088014943

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố Hải Phòng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C (Triều), sinh năm 1960 (Số định danh cá nhân: 030060001288) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964 (Số định cá nhân: 030164010963).

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố Hải Phòng

Chị N, anh H, ông C, bà B đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn ngày 15/3/2019 tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Trước khi cưới, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên thường xuyên cãi vã, chồng thiếu tôn trọng chị, không quan tâm gì đến vợ con, không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2023, chị chuyển ra ở trọ tại TDP C, phường T, thành phố Hải Phòng. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/9/2020. Hiện nay, cháu Q đang ở cùng anh H và ông bà nội. Nay ly hôn, chị và anh H thỏa thuận để anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh H không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H tuy ít về, nhưng vẫn thường xuyên gửi tiền về cho ông bà để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Chị không biết hiện nay anh H đang ở đâu, lúc thì bảo Lạng Sơn, lúc thì bảo Trung Quốc. Trong thời gian ly thân, do chị bận công việc đi làm 12 tiếng 1 ngày, lại không có ngày nghỉ, nên chị chỉ có thể chăm sóc con vào buổi tối. Việc nuôi dưỡng con chung khi ly thân có được đảm bảo vì bố mẹ chồng chăm sóc cháu rất tốt. Hiện nay, chị làm việc tại Quảng Ninh, nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Nếu giao con chung cho chị nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của cháu. Bố mẹ chị ở xa (ở T, Lạng Sơn) đang giúp chăm sóc con riêng của chị nên không có điều kiện để chăm sóc thêm nữa. Chị đồng ý để bố mẹ chồng chị hỗ trợ anh H trong việc trông nom chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ văn bản nhưng không đến Tòa án để giải quyết, không trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Thông qua bố mẹ đẻ anh H có quan điểm:

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Ông Nguyễn Văn C là chồng bà, là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H. Anh H và chị N có đăng ký kết hôn vào năm 2019 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo địa phương. Sau khi chị N sinh con xong được khoảng 2 năm thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, còn cụ thể mâu thuẫn là gì thì ông bà không biết, chỉ biết vợ chồng hay cãi nhau trên mạng. Chị N dọn ra ngoài sinh sống từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Hiện nay anh H đi làm ăn xa, không có nhà,

địa chỉ cụ thể của anh H như thế nào ông bà cũng không biết, chỉ liên lạc với qua điện thoại. Việc chị N xin ly hôn thì anh H đã biết và có nói với ông bà là đồng ý ly hôn.

Chị N anh H có một con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/9/2020. Kể từ khi chị N bỏ đi, vợ chồng ông bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Anh H tuy không có nhà nhưng vẫn gọi điện về nhà hỏi han và có gửi tiền nuôi dưỡng cháu Q. Chị N vẫn thường xuyên chăm sóc con và đón cháu về bên phòng trọ mỗi khi đi làm về. Chị N là người trực tiếp đóng học và trao đổi với cô giáo về việc học tập của cháu. Còn việc đưa đón cháu đi học và cho cháu ăn uống, sinh hoạt là vợ chồng ông bà chăm sóc. Cháu Q hiện nay về thể chất, tinh thần, phát triển khoẻ mạnh bình thường, không có nhược điểm. Anh H có nói với ông bà về việc anh Hợp đồng Ý nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp Toà án giao cháu Q cho anh H nuôi dưỡng, vợ chồng ông bà cam đoan tiếp tục hỗ trợ anh H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q cho đến khi anh H trở về. Việc cấp dưỡng nuôi con chung có hay không có là do chị N tự nguyện. Còn nếu toà án giao con cho chị N nuôi dưỡng thì sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt học tập của cháu vì hiện nay chị N đã đi làm ăn xa, nay đây mai đó, chỗ ở không ổn định, chị N còn có con riêng đang gửi ông bà ngoại ở Lạng Sơn.

Ông bà không nhận văn bản hộ anh H, đề nghị Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông bà đã thông báo cho H về các văn bản của Toà án thì anh H vẫn giữ quan điểm đồng ý ly hôn với chị N và anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Toà án có xác định ông bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì ông bà xin xét xử vắng mặt.

***Xác minh Tổ trưởng tổ dân phố C, phường T, thành phố Hải Phòng*:** Vợ chồng anh H, chị N là có đăng ký kết hôn và có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Vợ chồng anh H, chị N có một con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh năm 2020, hiện nay cháu đang ở cùng ông bà nội. Anh H vắng mặt tại địa phương từ năm 2019 đến nay, còn việc anh H đi đâu làm gì thì ông cũng không nắm được. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông cũng không nắm được vì anh H đã vắng mặt tại địa phương đã lâu. Ông chỉ biết hiện nay cháu N không còn sống cùng gia đình nhà chồng nữa.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bị đơn anh H vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông C, bà B vắng mặt, có đơn đề

nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lăng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lăng Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/9/2020. Giao con chung cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh H tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Hiện tại anh H vắng mặt tại địa phương, tạm giao cháu Nguyễn Minh Q cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ của anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi anh H về địa phương.

3. Về quan hệ tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lăng Thị N phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị N khởi kiện xin ly hôn anh H có hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn, vắng mặt có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin vắng

mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lăng Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2019 tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên thường xuyên cãi vã, chồng thiếu tôn trọng chị, không quan tâm gì đến vợ con, không có tiếng nói chung; vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2023, chị chuyển ra ở trọ tại TDP C, phường T, thành phố Hải Phòng. Anh H không có mặt tại địa phương tuy nhiên thông qua ông C, bà B là bố mẹ đẻ anh H thể hiện quan điểm của anh Hợp đồng Ý ly hôn với chị N, và ông bà xác định anh chị có mâu thuẫn nhưng không biết cụ thể, chỉ biết cãi nhau trên mạng, chị N đã bỏ đi từ tháng 4/2023. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã ly thân. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N ly hôn anh H.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/9/2020, hiện nay con chung đang ở cùng anh H và ông bà nội là ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B. Chị N có nguyện vọng để anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, lý do là chị hiện đang có con riêng phải chăm sóc nuôi dưỡng và đang nhờ ông bà ngoại ở Lạng Sơn chăm sóc, còn chị ngày đi làm 12 tiếng và không có ngày nghỉ, hiện nay chị chuyển làm việc tại Quảng Ninh nên không có thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Theo lời khai của bà B thì anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh Q và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay, ông C, bà B đang trực tiếp trông nom chăm sóc cháu Q khoẻ mạnh tâm sinh lý phát triển tốt. Hiện nay, anh H đi làm xa, ít khi về nhà, nhờ ông bà trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Q hộ; và chị N đồng ý để ông C, bà B sẽ thay anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Q. Xét thấy, việc giao con chung là Nguyễn Minh Q cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp, đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là đảm bảo quyền lợi của con và thực tế phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị nhâm, anh H, ông C, bà B về việc do anh H vắng mặt tại địa phương, tạm giao cháu Nguyễn Minh Q cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ của anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi anh H về địa phương.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lăng Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Chị N, anh H có 01 con chung;

Giao con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/9/2020 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Do anh H vắng mặt tại địa phương, tạm giao cháu Nguyễn Minh Q cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ của anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi anh H về địa phương.

3. Về quan hệ tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lăng Thị N phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006679 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng (Lưu hộ tịch);
- Lưu HS; VP;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Luyến